

Số: 638/QĐ-ĐHXDMT

Đắk Lắk, ngày 14 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xếp loại và chi tiền phụ cấp Ban cán sự các lớp
học kỳ 2 năm học 2024-2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo hệ Đại học chính quy;

Căn cứ Nghị quyết số 107/NQ-HĐT ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung; Nghị quyết số 114/NQ-HĐT ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-ĐHXDMT ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Quyết định số 416/QĐ-ĐHXDMT ngày 05 tháng 9 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc ban hành Quy định về công tác sinh viên Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-ĐHXDMT ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Theo đề nghị của Trường phòng Công tác sinh viên, Kế hoạch-Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả xếp loại A và chi tiền phụ cấp loại A cho 125 sinh viên đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ Ban cán sự lớp học kỳ 2 năm học 2024-2025
(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Công nhận kết quả xếp loại B và chi tiền phụ cấp loại B cho 56 sinh viên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ Ban cán sự lớp học kỳ 2 năm học 2024-2025
(Có danh sách kèm theo).

Điều 3. Công nhận kết quả xếp loại C và chi tiền phụ cấp loại C cho 9 sinh viên đã hoàn thành nhiệm vụ Ban cán sự lớp học kỳ 2 năm học 2024-2025
(Có danh sách kèm theo).



Điều 4. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường và cá nhân có tên ở Điều 1, Điều 2, Điều 3 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

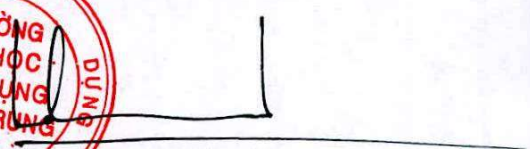
- Hiệu trưởng (b/c)
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, CTSV





KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG


TS. Lê Đức Thường



DANH SÁCH XẾP LOẠI VÀ CHI TIỀN PHỤ CẤP BAN CÁN SỰ CÁC LỚP

HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số 638/QĐ-DHXDMT ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Lớp	Họ và tên		Chức vụ	Xếp loại	Thành tiền	Ký nhận
1	D21XDK1	Lê Thành Đạt		Lớp trưởng	B	200,000	
		Trương Công Truyền		Lớp phó HT	B	70,000	
		Võ Xuân Trãi		Lớp phó SH	B	70,000	
2	D21XDK2	Đinh Tiểu Bảo		Lớp trưởng	A	300,000	
		Ngô Võ Quang Trường		Lớp phó HT	A	100,000	
		Đinh Hữu Long		Lớp phó SH	A	100,000	
3	D21XDK3	Hoàng Anh Tuấn		Lớp trưởng	A	300,000	
		Lê Minh Thông		Lớp phó HT	A	100,000	
		Huỳnh Đức Trọng		Lớp phó SH	A	100,000	
4	D21XDK4	Dương Huy Tín		Lớp trưởng	B	200,000	
		Lê Trung Đan		Lớp phó HT	B	70,000	
		Huỳnh Văn Lộc		Lớp phó SH	B	70,000	
5	D21KNT1	Phạm Đức Nhấn		Lớp trưởng	A	300,000	
		Đặng Thị Thanh Hà		Lớp phó HT	A	100,000	
6	D21QHC1	Đặng kim Khánh An		Lớp trưởng	A	300,000	
		Võ Hà Thị Hồng Ngọc		Lớp phó HT	A	100,000	
		Phan Thị Như Quỳnh		Lớp phó SH	A	100,000	
7	D21KDC1	Phạm Anh Vũ		Lớp trưởng	A	300,000	
		Võ Quỳnh Nhi		Lớp phó HT	A	100,000	
		Trần Thị Thu Thảo		Lớp phó SH	A	100,000	
8	D21CTC1	Lê Khánh Trinh		Lớp trưởng	A	300,000	
		Võ Ngọc Hoàng Thiên Bảo		Lớp phó HT	A	100,000	
		Trần Bảo Khanh		Lớp phó SH	A	100,000	
9	D21KXC1	Nguyễn Tuấn Bảo		Lớp trưởng	C	140,000	
		Nguyễn Thanh Thảo		Lớp phó HT	C	50,000	
		Nguyễn Minh Tâm		Lớp phó SH	C	50,000	
10	D21QXC1	Nguyễn Huy Hoàng		Lớp trưởng	B	200,000	
		Nguyễn Thị Thanh Thảo		Lớp phó HT	B	70,000	
		Nguyễn Thị Nhã Linh		Lớp phó SH	B	70,000	
11	D21CNK1	Nguyễn Trần Bảo Ngọc		Lớp trưởng	A	300,000	
12	D21KTR1	Nguyễn Ngọc Huyền My		Lớp trưởng	A	300,000	
		Nguyễn Đào Anh Quốc		Lớp phó HT	A	100,000	
		Nguyễn Thị Thùy Trâm		Lớp phó SH	A	100,000	
13	D21CDK1	Vũ Hoài Nam		Lớp trưởng	A	300,000	
		Ngô Xuân Lộc		Lớp phó HT	A	100,000	
		Hồ Tiến Phát		Lớp phó SH	A	100,000	
14	D21XCK1	Trần Du Nhật		Lớp trưởng	B	200,000	
		Đinh Thanh Tín		Lớp phó HT	B	70,000	
		Đinh Phú Thọ		Lớp phó SH	B	70,000	
15	D22XDK1	Nguyễn Thị Ngọc Tú		Lớp trưởng	A	300,000	
		Nguyễn Công Năng		Lớp phó HT	A	100,000	
		Lương Văn Hoàng		Lớp phó SH	A	100,000	
16	D22XDK2	Lê Văn Hưng		Lớp trưởng	B	200,000	
		Trần Tiến Đạt		Lớp phó HT	B	70,000	
		Lê Hoàng Phong		Lớp phó SH	B	70,000	
		Nguyễn Ngọc Thiên		Lớp trưởng	B	200,000	



TT	Lớp	Họ và tên		Chức vụ	Xếp loại	Thành tiền	Ký nhận
17	D22XDK3	Lê Văn	Trung	Lớp phó HT	B	70,000	
		Nguyễn Ngọc	Tiên	Lớp phó SH	B	70,000	
18	D22XDK4	Nguyễn Thế	Huy	Lớp trưởng	A	300,000	
		Nguyễn Duy	Hưng	Lớp phó HT	A	100,000	
		Đỗ Thanh	Trí	Lớp phó SH	A	100,000	
19	D22KTN1	Bùi Văn	Giống	Lớp trưởng	A	300,000	
		Dương Thị Mỹ	Linh	Lớp phó HT	A	100,000	
		Lê Thị Mỹ	Hoa	Lớp phó SH	A	100,000	
20	D22QHC1	Nguyễn Thị Trúc	Ly	Lớp trưởng	A	300,000	
		Hoàng Tấn	Kiệt	Lớp phó HT	A	100,000	
		Huỳnh Nhật Bảo	Gia	Lớp phó SH	A	100,000	
21	D22KDC1	Lê Thị Thủy	Linh	Lớp trưởng	A	300,000	
		Lương Thị Cẩm	My	Lớp phó HT	A	100,000	
		Nguyễn Thị Thu	Nhân	Lớp phó SH	A	100,000	
22	D22CTC1	Đỗ Phúc	Tường	Lớp trưởng	B	200,000	
		Nguyễn Hữu	Van	Lớp phó HT	B	70,000	
		Trần Ngọc	Ánh	Lớp phó SH	B	70,000	
23	D22QXC1	Trần	Mìn	Lớp trưởng	B	200,000	
		Trần Minh	Phú	Lớp phó HT	B	70,000	
		Nguyễn Minh	Huân	Lớp phó SH	B	70,000	
24	D22KTR1	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Tú	Lớp trưởng	A	300,000	
		Nguyễn Minh	Hoàng	Lớp phó HT	A	100,000	
		Võ Yến Tường	Vy	Lớp phó SH	A	100,000	
25	D22QSC1	Phạm Thanh	Hào	Lớp trưởng	B	200,000	
		Lê Thị Diễm	My	Lớp phó HT	B	70,000	
		Nguyễn Minh	Bảo	Lớp phó SH	B	70,000	
26	D22KXC1	Kiều Hà Chi	Bảo	Lớp trưởng	A	300,000	
		Huỳnh Minh	Hiếu	Lớp phó HT	A	100,000	
27	D22CDK1	Phan Thành	Học	Lớp trưởng	A	300,000	
		Lâm Nguyễn Công	Thành	Lớp phó HT	A	100,000	
28	D22XCK1	Nguyễn Văn	Đạt	Lớp trưởng	B	200,000	
		Nguyễn Văn	Thịnh	Lớp phó HT	B	70,000	
29	D23XDK1	Phan Thành	Vinh	Lớp trưởng	A	300,000	
		Nguyễn Hữu	Thắng	Lớp phó HT	A	100,000	
		Lê Hồng	Hải	Lớp phó SH	A	100,000	
30	D23XDK2	Trần Công	Lý	Lớp trưởng	B	200,000	
		Huỳnh Quang	Huy	Lớp phó HT	B	70,000	
		Trần Nguyễn	Khánh	Lớp phó SH	B	70,000	
31	D23XDK3	Hoàng Trung	Kiên	Lớp trưởng	A	300,000	
		Nguyễn Chí	Trung	Lớp phó HT	A	100,000	
		Võ Đăng	Khang	Lớp phó SH	A	100,000	
32	D23XDK4	Huỳnh Thị Kim	Chi	Lớp trưởng	A	300,000	
		Nguyễn Ngọc	Sự	Lớp phó HT	A	100,000	
		Nguyễn Quốc	Cường	Lớp phó SH	A	100,000	
33	D23CDK1	Trần Văn	Diệp	Lớp trưởng	A	300,000	
		Nguyễn Đại	Gia	Lớp phó HT	A	100,000	
		Nguyễn Văn	Tiên	Lớp phó SH	A	100,000	
34	D23QHC1	Nguyễn Thị	Nguyên	Lớp trưởng	A	300,000	
		Phan Bá Khánh	Vương	Lớp phó HT	A	100,000	
		Đoàn Ngọc Ánh	Hòa	Lớp phó SH	A	100,000	
35	D23QSC1	Nguyễn Hoài	Nam	Lớp trưởng	A	300,000	
		Trần Thị Bích	Thảo	Lớp trưởng	A	300,000	

Y
 ỜNG
 HỌ
 DỤI
 TRƯ
 *

TT	Lớp	Họ và tên		Chức vụ	Xếp loại	Thành tiền	Ký nhận
36	D23KDC1	Lê Yến	Phụng	Lớp phó HT	A	100,000	
		Nguyễn Minh	Tùng	Lớp phó SH	A	100,000	
37	D23TDK1	Lê Trọng	Tín	Lớp trưởng	A	300,000	
		Trần Văn	Hiệu	Lớp phó HT	A	100,000	
		Nguyễn Lê	Tiên	Lớp phó SH	A	100,000	
38	D23QXC1	Vô Anh	Quân	Lớp trưởng	B	200,000	
		Vô Thị Thu	Thảo	Lớp phó HT	B	70,000	
		Phan Thế	Hiển	Lớp phó SH	B	70,000	
39	D23TNC1	Trần Lê Thanh	Trúc	Lớp trưởng	B	200,000	
		Dương Triệu	Mẫn	Lớp phó HT	B	70,000	
		Đặng Thế	Luyện	Lớp phó SH	B	70,000	
40	D23CNK1	Phạm Lê Hà	Giang	Lớp trưởng	A	300,000	
41	D23KTR1	Nguyễn Tấn	Đạt	Lớp trưởng	A	300,000	
		Phạm Dương Bảo	Trân	Lớp phó HT	A	100,000	
		Nguyễn Đình	Tín	Lớp phó SH	A	100,000	
42	D23LQC1	Tạ Bảo	Ngọc	Lớp trưởng	A	300,000	
		Huỳnh Thành	Dự	Lớp phó HT	A	100,000	
		Nguyễn Phan Hồng	Đinh	Lớp phó SH	A	100,000	
43	D23CTC1	Vũ Thanh	Tính	Lớp trưởng	A	300,000	
		Phan Tấn	Kiệt	Lớp phó HT	A	100,000	
		Nguyễn Hoàng	Danh	Lớp phó SH	A	100,000	
44	D23CTC2	Nguyễn Lê Hải	Triều	Lớp trưởng	A	300,000	
		Nguyễn Quang	Duy	Lớp phó HT	A	100,000	
		Trịnh Lâm	Ngân	Lớp phó SH	A	100,000	
45	D23CTC4	Nguyễn Lưu	Kiên	Lớp trưởng	B	200,000	
46	D23KXC1	Nguyễn Phúc	Sĩ	Lớp trưởng	B	200,000	
		Trần Thị Kim	Tuyết	Lớp phó HT	B	70,000	
		Nguyễn Thị Hồng	Phương	Lớp phó SH	B	70,000	
47	D23KNT1	Trần Vĩnh	Thắng	Lớp trưởng	A	300,000	
		Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Lớp phó HT	A	100,000	
		Nguyễn Khải	Lương	Lớp phó SH	A	100,000	
48	D23COK1	Phạm Chí	Dũng	Lớp trưởng	C	140,000	
		Nguyễn Hồng	Hải	Lớp phó HT	C	50,000	
		Lê	Toàn	Lớp phó SH	C	50,000	
49	D23COK2	Nguyễn Tấn	Ngân	Lớp trưởng	A	300,000	
		Lê Huỳnh Đức	Thắng	Lớp phó HT	A	100,000	
		Trần Lê	Trung	Lớp phó SH	A	100,000	
50	D23COK3	Nguyễn Cao	Bằng	Lớp trưởng	A	300,000	
		Lê Văn	Giảng	Lớp phó HT	A	100,000	
		Hồ Tuấn	Khiêm	Lớp phó SH	A	100,000	
51	D24XDK1	Nguyễn Ngọc	Thái	Lớp trưởng	A	300,000	
		Trần Minh	Thành	Lớp phó HT	A	100,000	
		Nguyễn Vũ	Duy	Lớp phó SH	A	100,000	
52	D24XDK2	Ngô Đăng	Thường	Lớp trưởng	B	200,000	
		Phan Hoài	Anh	Lớp phó HT	B	70,000	
		Lê Minh	Tân	Lớp phó SH	B	70,000	
53	D24XDK3	Phan Minh	Hiếu	Lớp trưởng	A	300,000	
		Phan Tấn	Thiện	Lớp phó HT	A	100,000	
		Đinh Hồng	Sơn	Lớp phó SH	A	100,000	
54	D24CTC1	Nguyễn Phi	Hùng	Lớp trưởng	B	200,000	
		Phan Văn	Đông	Lớp phó HT	B	70,000	
		Huỳnh Cao Yến	Như	Lớp phó SH	B	70,000	

TT	Lớp	Họ và tên		Chức vụ	Xếp loại	Thành tiền	Ký nhận
55	D24CTC2	Đỗ Đại	Dưỡng	Lớp trưởng	A	300,000	
56	D24CDK1	Phạm Đình	Chiến	Lớp trưởng	C	140,000	
		Trịnh Quốc	Duy	Lớp phó HT	C	50,000	
		Phan Đức	Hiếu	Lớp phó SH	C	50,000	
57	D24TDK1	Trần Tiến	Khường	Lớp trưởng	A	300,000	
		Lê Vũ Hoàng	Lân	Lớp phó HT	A	100,000	
		Lê Văn	Vàng	Lớp phó SH	A	100,000	
58	D24CNK1	Ngô Trung	Kiên	Lớp trưởng	A	300,000	
59	D24KDC1	Lê Thị	Tình	Lớp trưởng	A	300,000	
		Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Lớp phó HT	A	100,000	
		Nguyễn Minh	Thị	Lớp phó SH	A	100,000	
60	D24QHC1	Thiều Duy	Thuận	Lớp trưởng	A	300,000	
		Ngô Nguyễn Ngọc	Trâm	Lớp phó HT	A	100,000	
		Bùi Thị Mỹ	Nga	Lớp phó SH	A	100,000	
61	D24QXC1	Đỗ Ngọc	Sơn	Lớp trưởng	A	300,000	
		Võ Thị Thanh	Kiều	Lớp phó HT	A	100,000	
		Đặng Quốc	Việt	Lớp phó SH	A	100,000	
62	D24TNC1	Lê Trương Anh	Kiệt	Lớp trưởng	B	200,000	
		Trần Đình	Mẫn	Lớp phó HT	B	70,000	
		Đinh Nguyễn Kỳ	Duyên	Lớp phó SH	B	70,000	
63	D24KXC1	Trần Nguyễn Thảo	Như	Lớp trưởng	A	300,000	
		Nguyễn Thị Trúc	Huy	Lớp phó HT	A	100,000	
		Nguyễn Ngọc Kim	Tú	Lớp phó SH	A	100,000	
64	D24LQC1	Lê Thu	Viên	Lớp trưởng	A	300,000	
		Lê Kim	Hợp	Lớp phó HT	A	100,000	
		Nguyễn Thị Thiên	Kim	Lớp phó SH	A	100,000	
65	D24TMC1	Lê Nhật	Hào	Lớp trưởng	A	300,000	
		Nguyễn Tường	Vy	Lớp phó HT	A	100,000	
		Vô Lê Yến	Nhi	Lớp phó SH	A	100,000	
66	D24KTR1	Trương Nguyễn Quốc	Việt	Lớp trưởng	B	200,000	
		Vô Trường	Giang	Lớp phó HT	B	70,000	
		Dương Minh	Cường	Lớp phó SH	B	70,000	
67	D24KNT1	Phạm Đồng Anh	Đại	Lớp trưởng	B	200,000	
		Dương Trúc	Quỳnh	Lớp phó HT	B	70,000	
		Đoàn Khả	Tú	Lớp phó SH	B	70,000	
68	D24COK1	Nguyễn Hữu	Thịnh	Lớp trưởng	A	300,000	
		Sơ Minh	Châu	Lớp phó HT	A	100,000	
		Nguyễn Xuân	Sum	Lớp phó SH	A	100,000	
69	D24COK2	Trà Nguyễn Hoàng	Kim	Lớp trưởng	A	300,000	
		Nguyễn Văn	Can	Lớp phó HT	A	100,000	
		Nguyễn Cao	Thái	Lớp phó SH	A	100,000	
	Tổng					29,010,000	
Bảng chữ: Hai mươi chín triệu không trăm mười ngàn đồng							

Bảng chữ: Hai mươi chín triệu không trăm mười ngàn đồng

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PTP. CÔNG TÁC XÂY

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Nhã

Nguyễn Đình Đại

Lê Trọng Hoài

Lê Đức Thường

